

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2021/HN - ST

Ngày: 01/12/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bé T

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Thanh K

2/ Ông Huỳnh Anh D

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn P - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2021/TLST - HN ngày 04 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2021/QĐXXST-HN ngày 10/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Thanh T, sinh năm 1987 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện N, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Anh Mi, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Nguyên đơn:** Chị Thạch Thị Thanh T, theo đơn khởi kiện, tờ tường trình và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt trình bày:

Do quen biết chị và anh Nguyễn Anh M tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 16/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Sau nhiều năm sống chung, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đến đầu năm 2020 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng do bất đồng quan điểm sống nhiều mặt nên thường xuyên cãi nhau không thể hòa hợp được, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, sống chung không hạnh phúc nên chị và anh M đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2020. Nhận thấy đời sống hôn nhân giữa chị và anh M không thể tiếp tục kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn anh M.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phước T sinh ngày 08/8/2011, hiện anh M đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T đồng ý giao cháu T cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và khoản nợ phải thu, phải trả: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T còn trình bày: Hiện chị đi làm xa không thể về để giải quyết việc ly hôn với anh M nên chị xin Tòa án xét xử vắng mặt chị với các nội dung như đã trình bày trong đơn khởi kiện và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Chị là người dân tộc Khmer nhưng chị hiểu rõ tiếng Việt, nghe, nói, đọc, viết rõ tiếng Việt vì vậy chị không yêu cầu người phiên dịch cho chị trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Anh M trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T đã nêu trong đơn khởi kiện, tờ tường trình và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phước T sinh ngày 08/8/2011, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hơn nữa chị T cũng đồng ý giao cháu T cho anh tiếp tục nuôi dưỡng, cháu T cũng có nguyện vọng được sống chung với anh.

- Về tài sản chung và khoản nợ phải thu, phải trả: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Anh M có mặt, anh M đồng ý ly hôn chị Thạch Thị Thanh T.

Chị Thạch Thị Thanh T vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định tranh chấp giữa các đương sự là “ly hôn, nuôi con”, bị đơn hiện

cư trú tại xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Thạch Thị Thanh T là nguyên đơn, được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng chị T có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt chị, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 01HT-2011 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 16/5/2011 có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Thạch Thị Thanh T và anh Nguyễn Anh M là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và bị đơn có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thể hiện: Giữa chị T và anh M đã có nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục, thực tế chị T và anh M đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay, chị T và anh M đều thừa nhận vấn đề này và hơn nữa chị T yêu cầu ly hôn anh M, anh M cũng đồng ý ly hôn chị T. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thạch Thị Thanh T ly hôn anh Nguyễn Anh M.

[4] Về con chung: Xét, anh Nguyễn Anh M có yêu cầu nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Phước T sinh ngày 08/8/2011; chị Thạch Thị Thanh T cũng đồng ý giao cháu T cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng. Hơn nữa cháu T cũng có nguyện vọng được sống chung với anh M nên Hội đồng xét xử giao cháu T cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Anh M không yêu cầu chị Thạch Thị Thanh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Thạch Thị Thanh T và anh Nguyễn Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Thạch Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 228 bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thạch Thị Thanh T ly hôn anh Nguyễn Anh M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phước T sinh ngày 08/8/2011 cho anh Nguyễn Anh M tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Anh M không yêu cầu chị Thạch Thị Thanh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Thạch Thị Thanh T và anh Nguyễn Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Thạch Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006768 ngày 04/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, có mặt bị đơn, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bé T